

Bản án số: **65/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 05/9/2024

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đức Nhâm.

2. Ông: Châu Văn Khỏe.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Thuy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **51/2024/TLST-HNGĐ**, ngày 04 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **19/2024/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 07 tháng 8 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: **11/2024/QĐST-HNGĐ**, ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa.

1. **Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Giáo viên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Vũ Đức H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức H kết hôn năm 2000, đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn N, huyện N, sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với bố, mẹ chồng tại tổ dân phố G, thị trấn N, đến năm 2007 chị đi làm giáo viên vợ chồng chị chuyển đến huyện S, tỉnh Lai Châu cư trú. Cuộc sống chung của anh, chị không hạnh phúc nhiều lần chị bị anh H đánh, chửi ngoài ra anh H còn đi ngoại tình với người khác khiến tinh thần chị suy sụp, chỉ vì các con chị đã nhẫn nhịn, chịu đựng. Năm 2021 anh H chuyển về cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn N, anh, chị sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân chưa một lần anh H lên thăm chị và con. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên các cháu là Vũ Ngọc A, sinh ngày: 07/5/2001 và Vũ Diệu L sinh ngày: 04/5/2012, đối với cháu A đã có công ăn việc làm tự nuôi sống được bản thân, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu L ở với chị từ bé cho đến nay, hiện cháu đang theo học tại Trường THCS xã N, huyện S. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định không có.

Tại bản tự khai đề ngày 04/7/2024 anh Vũ Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh và các con cư trú tại huyện S, tỉnh Lai Châu từ năm 2007, đến năm 2021 một mình anh về cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, mỗi năm chị T về nhà vào dịp nghỉ hè và Tết nguyên đ, do vợ chồng anh sống cách xa nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn thỉnh thoảng chửi nhau. Việc chị T xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì nghĩ đến các con.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Cháu L đang ở với chị T tại huyện S còn cháu A đã có công ăn việc làm ổn định. Nếu vợ chồng anh phải ly hôn, nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định không có.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố A, thị trấn N, tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Nguyên N và bà Vũ Thị B (là bố mẹ đẻ của anh H) cũng như tiến hành lấy lời khai của cháu Vũ Diệu L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử (HĐXX) vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (viết tắt là Luật HN&GD); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị T.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Vũ Đức H.

Về con chung: Giao cháu Vũ Diệu L, sinh ngày: 04/5/2012 cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra đề nghị chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đức H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố G, thị trấn N, huyện N. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng khác. Tại buổi hòa giải các đương sự đã không thống nhất được việc giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung. Chị T đã làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa, có đơn xin xét xử vắng mặt,

anh H 02 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T và anh Vũ Đức H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H nhiều lần đánh, chửi chị, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của chị, anh, chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh H đã không còn quan tâm tới vợ, con nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Anh H đã nhận thức được những lỗi lầm trước đây mong chị T tha thứ để vợ chồng quay về đoàn tụ.

[2.2] HĐXX xét thấy: Khi chị T, anh H còn chung sống cũng như khi đã sống ly thân, anh H nhiều lần đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng các quyền của chị T, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] Về con chung: Các đương sự đều xác định có 02 con chung tên các cháu là Vũ Ngọc A, sinh ngày: 07/5/2001, đã có công việc ổn định tự nuôi sống bản thân và Vũ Diệu L, sinh ngày: 04/5/2012, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của chị T, anh H cũng như nguyện vọng của cháu L. HĐXX xét thấy chị T là giáo viên có công việc, thu nhập ổn định, cháu L lại là con gái đã ở với chị T từ bé cho đến nay, hiện cháu đang theo học tại Trường THCS xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, nơi chị T đang công tác. HĐXX thấy rằng cháu L đang ở độ tuổi dậy thì, người mẹ sẽ thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc tới con nhiều hơn trong phát triển tâm sinh lý cũng như không làm xáo trộn việc học hành của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao nuôi con chung khi ly hôn.

[3.1] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự, do đó không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý chí của đương sự. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết **326/2016/UBTVQH** 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị T.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Vũ Đức H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, ngày 26/9/2000, đăng ký kết hôn UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

Về con chung: Giao cháu Vũ Diệu L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số: 0000855 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi Cục THADS huyện Na Hang;
- UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang